TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 63/2017/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 21 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Khi làm đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc B có tranh chấp tài sản chung đối với anh Nguyễn Hoàng T. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hoàng T đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong và không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết về phần tài sản chung.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

***- Về quan hệ hôn nhân*:** Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện thuận tình ly hôn.

***- Về con chung*:** tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 19/05/2016 hiện đang sống với chị B, tại phiên hòa giải chị B và anh T tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 19/05/2016.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

***- Về cấp dưỡng nuôi con*:** Anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 19/5/2016 mỗi tháng 650.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải chị B và anh T đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Tại phiên hòa giải chị B và anh T cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

***- Về án phí*:** chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0014371 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị B đã nộp đủ án phí, anh Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014370 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*